

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-PT

Ngày: 10-02-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản - hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Ông Võ Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản - hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 144/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 119/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2021; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 05 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 07/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Kim N.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Vị T, huyện V, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Danh C.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Vị T, huyện V, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2.2. Bà Lê Bích Ch

Địa chỉ: Ấp 1, xã Vị T, huyện V, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thanh Th

Địa chỉ: ấp 7B2, xã Vị T, huyện V, tỉnh Hậu Giang, vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Danh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Đinh Thị Kim N trình bày: Từ năm 2018 đến năm 2020, bà có mở nhiều dây hụi do bà làm chủ. Trong thời gian này, bị đơn bà Lê Bích Ch có tham gia các dây hụi như sau:

- Dây thứ nhất: Ngày 01/10/2018 (âm lịch), bà Ch tham gia dây hụi 3.000.000đồng/tháng, tổng cộng có 25 phần (bà Ch tham gia 02 phần). Ngày 01/7/2019, bà Ch kêu hụi 560.000đồng trúng hụi và hốt một phần với số tiền 62.100.000đồng. Đến ngày 01/12/2019 (âm lịch), bà Ch kêu hụi 520.000đồng trúng hụi và hốt phần còn lại với số tiền 65.300.000đồng.

Từ ngày 01/4/2020, bị đơn bà Ch không đóng hụi cho bà nữa nên còn nợ lại bà là 07 lần hụi chết x 6.000.000đ/tháng = 42.000.000đồng.

- Dây thứ hai: Ngày 12/11/2019 (âm lịch), bà Ch tham gia dây hụi 500.000đồng/tuần, tổng cộng có 26 phần (bà Ch tham gia 06 phần), bà Ch đã hốt hụi và đã đóng hụi chết còn nợ lại bà là 08 lần x (500.000đồng x 6 phần) = 24.000.000đồng.

- Dây hụi thứ ba: Ngày 16/02/2020 (âm lịch), bà Ch tham gia dây hụi 50.000đồng/ngày, tổng cộng có 51 phần tham gia. Bà Ch hốt 30 phần được số tiền 66.000.000đồng và bà Ch đã đóng hụi còn nợ lại 15 lần x (50.000đồng x 30 phần) = 22.500.000đồng.

- Dây hụi thứ tư: Ngày 30/02/2020 (âm lịch), bà Ch tham gia dây hụi 50.000đồng/ngày, tổng cộng có 51 phần tham gia, bà Ch tham gia và hốt 20 phần với số tiền 66.000.000đồng. Bà Ch đã đóng hụi và còn nợ lại 36 lần x (50.000đồng x 30 phần) = 54.000.000đồng.

Tổng cộng bà Ch còn nợ tiền hụi bà là 142.500.000đồng. Số tiền này, bà Ch đã trả lần một 3.500.000đồng, lần hai 18.000.000đồng và cần trừ nợ hụi với bà Nguyễn Thanh Th số tiền 85.000.000đồng. Hiện tại bà Ch còn nợ hụi số tiền 36.000.000 đồng.

Do đó bà khởi kiện yêu cầu ông Danh C, bà Lê Bích Ch có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ hụi là 142.500.000đồng – (21.500.000đ + 85.000.000đ) = 36.000.000đồng. Đối với số tiền vay 140.000.000đồng thì ông Danh C, bà Ch chưa trả vốn.

Bị đơn bà Lê Bích Ch trình bày: Thừa nhận vào năm 2018 đến năm 2020, bà có tham gia các dây hụi ngày, hụi tuần, hụi tháng do bà N làm chủ. Hiện nay, còn nợ tiền hụi bà N là 140.000.000đồng, khi tham gia hụi là bà tham gia riêng và mỗi lần hốt hụi, ký nhận tiền là do bà thực hiện một mình, không liên quan đến ông Danh C. Đối với số tiền nợ vay: Vào tháng 02 năm 2019, vợ chồng bà có vay của bà N 140.000.000đồng, có làm biên nhận và vợ chồng bà có ký tên, sau đó chồng bà là ông C đã đưa cho bà 140.000.000đồng để trả cho bà N nhưng bà không trả do kẹt tiền, mỗi tháng bà đóng lãi cho bà N số tiền 6.000.000đồng, đóng được đến khoảng tháng 3 năm 2020, khi đóng lãi không làm biên nhận, không giấy tờ, không ai chứng kiến. Đồng thời, số nợ vay 140.000.000đồng này thì bà đã cần trừ, trả bớt vốn cho bà N 104.000.000đồng, hiện chỉ còn nợ tiền vay của bà N là 36.000.000đồng, việc trả vốn bà có làm giấy tờ, biên nhận do bà N ký tên.

Tổng số tiền bà thừa nhận nợ bà N là 176.000.000đồng. Trong đó, nợ hụi 140.000.000đồng, nợ vay 36.000.000đồng. Các khoản nợ này do bà thừa nhận tự giao

dịch với bà N, không liên quan đến ông C nên bà tự chịu trách nhiệm trả cho bà N, không yêu cầu ông Danh C cùng trả (bút lục 18, 45).

Bị đơn ông Danh C trình bày: Trước đây ông là chồng của bà Ch, hiện tại đã ly hôn, không còn sống chung. Trong thời gian chung sống thì ông không tham gia chơi hụi với bà N nên bà N khởi kiện yêu cầu ông cùng trả nợ ông không đồng ý (bút lục 21A).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh Th trình bày: Vào năm 2019, bà có tham gia 01 phần hụi của bà Lê Bích Ch, hụi 500.000đồng/tháng, bà tham gia đến lần thứ 04 thì hốt hụi, sau khi hốt thì bà đóng hụi chết cho bà Ch được 03 lần, số tiền 15 triệu đồng. Ngày 11/5/2020, giữa bà với bà Ch, bà N thống nhất thỏa thuận số tiền bà còn nợ hụi chết của bà Ch là 17 lần, với số tiền 85.000.000đồng thì về sau bà trả cho bà N, vì bà Ch còn thiếu tiền bà N nên trừ qua, bà làm biên nhận nợ bà N, không còn nợ bà Ch nữa. Nay bà không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Kim N.

Buộc bị đơn Lê Bích Ch và Danh C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đinh Thị Kim N số tiền nợ hụi tổng cộng là 36.000.000đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Nghĩa vụ trả nợ cụ thể như sau: Bà Lê Bích Ch phải trả cho bà Đinh Thị Kim N số tiền là: 18.000.000đồng (Mười tám triệu đồng). Ông Danh C phải trả cho bà Đinh Thị Kim N số tiền là 18.000.000đồng (Mười tám triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, bị đơn ông Danh C có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, ông không đồng ý trả cho bà Đinh Thị Kim N số tiền 18.000.000đồng. Căn cứ kháng cáo: Do bà Ch chơi hụi mà không thông qua ý kiến của ông, ông không hay biết và cũng không có tên hay ký tên trong dây hụi bà Ch tham gia của bà N nên ông không đồng ý trả khoản tiền nợ hụi 18.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn ông Danh C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông không hay biết việc bà Ch tham gia hụi của bà N. Mọi sinh hoạt trong gia đình đều từ thu nhập của ông.

Bị đơn bà Lê Bích Ch trình bày: Ông C không biết rõ việc tôi chơi hụi với bà N như thế nào, mọi giao dịch hụi đều do mình tôi thực hiện. Tiền hốt hụi tôi dùng vào việc riêng của tôi, chi phí sinh hoạt trong gia đình đều là do ông Cuôi chi tiền. Tôi bị tạm giam điều tra trong vụ án khác nên không tham gia phiên tòa sơ thẩm và không nhận được bản án của Tòa án sơ thẩm nên không có kháng cáo. Tôi có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Tôi không có cung cấp thông tin cho Tòa án sơ thẩm biết việc tôi bị tạm giam. Tôi không có khiếu nại gì về thủ tục xét xử sơ thẩm. Số tiền nợ hụi bà N là 140.000.000đồng không phải 36.000.000đồng. Số tiền 36.000.000đồng là nợ tiền vay. Tôi và ông C có ký biên nhận vay

140.000.000đồng, tiền cần trừ nợ là cần trừ nợ vay không phải nợ hui. Tôi không ghi rõ là cần trừ nợ gì.

Nguyên đơn bà Đinh Thị Kim N trình bày: Tất cả giao dịch hui đều do bà Ch thực hiện, tên hui viên là bà Ch, kêu hui và đóng hui là bà Ch. Ông C có biết việc bà Ch tham gia dây hui của tôi, tuy nhiên tôi không cung cấp được văn bản gì chứng minh là ông C biết việc bà Ch tham gia hui. Tiền hốt hui bà Ch dùng vào việc gì thì tôi không thể biết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho tôi. Nợ hui là 36.000.000đồng, nợ vay là 140.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giải quyết theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Danh C, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật trong vụ án: Nguyên đơn bà Đinh Thị Kim N khởi kiện đối với các bị đơn ông Danh C, bà Lê Bích Ch để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Danh C, bà Lê Bích Ch phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ hui nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và xét xử theo quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản - hui” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về xác định thẩm quyền: Bị đơn ông Danh C, bà Lê Bích Ch có nơi cư trú tại ấp 1, xã Vị T, huyện V, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh Th được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có kháng cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

[4] Xét sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Danh C có đơn kháng cáo hợp lệ và còn trong thời hạn quy định tại các Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên được Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[5] Đối với bị đơn bà Lê Bích Ch không có kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bà cho rằng bà đang bị tạm giam nên không nhận được bản án sơ thẩm để kháng cáo. Tuy nhiên, theo hồ sơ thể hiện, bà Ch đã có lời khai trong vụ án, đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Việc bà bị tạm giam nhưng bà và người thân trong gia đình không ai cung cấp thông tin cho Tòa án sơ thẩm biết. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành niêm yết bản án và thông báo kháng

cáo theo quy định là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà yêu cầu xem xét nghĩa vụ nợ là của riêng bà, không liên quan ông C, bà không khiếu nại gì về thủ tục xét xử sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, bị đơn ông Danh C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông không đồng ý chịu trách nhiệm trả cho bà N số tiền nợ hui là 18.000.000đồng vì cho rằng nợ hui không liên quan đến ông. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chỉ xem xét liên quan đến kháng cáo của ông C, các vấn đề khác trong vụ án không có kháng cáo, kháng nghị và hết thời gian kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét các vấn đề này.

[7] Xét kháng cáo của ông Danh C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2020, bị đơn bà Lê Bích Ch có tham gia nhiều dây hui do bà Đinh Thị Kim N làm chủ. Quá trình tham gia, bà Ch đã hốt nhiều phần hui và hai bên đã kết nợ hui với nhau vào năm 2020.

[7.1] Theo bà N, sau khi tổng kết nợ hui thì bà Ch còn nợ số tiền hui là 142.500.000đồng và bà Ch đã trả được 106.500.000đồng từ việc trả lần một 3.500.000 đồng, lần hai 18.000.000đồng và cản trừ nợ hui với bà Nguyễn Thanh Th số tiền 85.000.000đồng. Hiện tại chỉ còn nợ lại 36.000.000đồng nên yêu cầu bà Ch, ông C có trách nhiệm liên đới trả số tiền này.

[7.2] Bà Ch cho rằng, số tiền hui bà còn nợ bà N là 140.000.000đồng, không phải là 36.000.000đồng như bà N trình bày (Số tiền 36.000.000 đồng là nợ tiền vay, không phải tiền hui. Vì ngoài số tiền nợ hui, trước đây vợ chồng bà có hỏi vay của bà N số tiền 140.000.000đồng và bà đã trả 104.000.000đồng, khi trả có làm biên nhận nên còn nợ tiền vay 36.000.000đồng).

Bà Ch có cung cấp cho Tòa án biên nhận trả nợ (bút lục 46) thể hiện nội dung *“Chị Châm nợ tiền của chị Nhanh 140.000.000đồng, ngày 3/5/2020 trả cho chị Nhanh 18.000.000đồng và ngày 11/5/2020 chị Châm cản trừ nợ hui của chị Nguyễn Thanh Th là 85.000.000đồng”*. Xét biên nhận này, về nội dung không thể hiện rõ là cản trừ nợ vay hay cản trừ nợ hui và tổng số tiền theo biên nhận chỉ có 103.000.000đồng, không phải 104.000.000đồng như bà Ch trình bày nên việc bà N thừa nhận biên nhận nêu trên là cản trừ nợ hui là có cơ sở xem xét, còn bà Ch phản bác cho rằng cản trừ nợ vay nhưng bà Ch không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc bà Ch còn nợ bà N các dây hui từ năm 2018 đến năm 2020 tổng số tiền nợ hui là 36.000.000 đồng (sau khi đã trả và cản trừ) là phù hợp, có căn cứ.

[7.3] Ông C cho rằng, số tiền nợ hui 36.000.000 đồng nêu trên ông không biết và đây là nợ riêng của bà Ch nên bà Ch có trách nhiệm trả, không liên quan đến ông. Xét ông Danh C và bà Ch từng là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 và đã ly hôn vào ngày 15/6/2020. Theo biên nhận nợ hui mà bà N cung cấp ghi ngày 08/4/2020 (âm lịch) tương ứng với ngày 30/4/2020 là trước ngày ông C, bà Ch ly hôn, từ đó có cơ sở xác định số tiền nợ hui nêu trên là khoản nợ được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông Danh C và bà Ch. Tuy nhiên, số nợ này bà Ch thừa nhận chỉ là nợ riêng của bà, đồng thời chính bà N cũng thừa nhận rằng, khi giao nhận tiền hui là bà giao nhận

với bà Ch, không giao nhận tiền hụi với ông C. Quá trình tham gia hụi, kêu hụi và đóng hụi đều là bà Ch thực hiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N cho rằng khi giao nhận tiền có ông C ký tên biên nhận nhưng bà N không cung cấp được các biên nhận cũng như các chứng cứ chứng minh việc ông C biết khoản nợ này của bà Ch.

Ngoài ra, cũng tại phiên tòa sơ thẩm chính bà N thừa nhận rằng, khi khởi kiện bà chỉ yêu cầu một mình bà Ch trả nợ vì cho rằng không yêu cầu được ông C, điều này cũng chứng minh rằng bản thân bà N biết rõ khoản nợ hụi này ông C hoàn toàn không biết nên không đòi được.

Mặt khác, bà N cũng không chứng minh được việc bà Ch giao dịch hụi là nhằm thực hiện nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chưa đủ cơ sở buộc ông C phải có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ hụi cho bà N. Có cơ sở xác định đây là khoản nợ hụi riêng của bà Ch nên bà Ch tự chịu trách nhiệm trả cho bà N 36.000.000đồng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng khoản nợ hụi được xác lập trong thời kỳ hôn nhân nên là nợ chung của vợ chồng và buộc ông C liên đới trả số nợ trên cho bà N là chưa đủ cơ sở.

[7] Từ những căn cứ phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Danh C. Từ đó, ông Danh C không phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền nợ hụi 18.000.000 đồng. Chấp nhận đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[8] Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được điều chỉnh lại cho phù hợp. Cụ thể: Bà Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nợ hụi bà phải trả cho bà N là 1.800.000đồng.

[9] Do kháng cáo của ông Danh C được chấp nhận nên ông C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148, Điều 271, 272, 273, Điều 296, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, biểu phùng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Danh C

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim N

1. Buộc bà Lê Bích Ch có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị Kim N số tiền nợ hụi là 36.000.000đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Kim N về việc yêu cầu ông Danh C có trách nhiệm liên đới với bà Lê Bích Ch trả số tiền nợ hụi 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) cho bà N.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Lê Bích Ch phải nộp số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Đinh Thị Kim N được nhận lại 900.000đồng (Chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003559 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Bị đơn ông Danh C được nhận lại 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009675 ngày 31/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 10 tháng 02 năm 2022.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TOA PHIÊN TÒA

Võ Thái Sơn – Hồ Văn Luông

Dương Quốc Tuấn